TÒA ÁN NHÂN DÂN
**HUYỆN CƯ M'GAR**
TỈNH ĐĂK LĂK
Bản án số: **34**/2024/HNGĐ-ST
Ngày 04/7/2024 "V*/v: tranh chấp hôn nhân và gia đình*"

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

# NHÂN DANH
# NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
## TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CƯ M'GAR , TỈNH ĐĂK LĂK

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán-chủ toạ phiên toà*: Ông Y Lợi Niê

*Các Hội thẩm nhân dân* : Bà Trần Thị Loan và Trần Thị Thanh Thẩm

***- Thư ký phiên toà*:** Ông Vũ Đức Đuống – Thư ký Tòa án nhân dân huyện CM.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư M'gar, tỉnh Đăk Lăk tham gia phiên tòa*:** Bà Lê Thị Hoài Thư - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 7 năm 2024 tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Cư M'gar, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 95/2024/TLST–HNGĐ, ngày 02 tháng 4 năm 2024, về việc: "*tranh chấp hôn nhân và gia đình*". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2024/QĐXX-ST ngày 23/5/2024 và quyết định hoãn phiên tòa số 20/2024//QĐST-HNGĐ ngày 14/6/2024 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Anh Phạm Minh T – Sinh năm: 1989 (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: QL51 - ẤP T Lập, phường Phước Hoà, TX Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu.

**- Bị đơn:** Chị Nguyễn Thị H – Sinh năm: 1994 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn 6, xã CM, huyện CM, tỉnh Đăk Lăk

## NỘI DUNG VỤ ÁN;

**** Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết nguyên đơn anh Phạm Minh T trình bày*:**

- Về quan hệ hôn nhân: Anh T và chị Nguyễn Thị H đến với nhau trên cơ sở hai bên tự nguyện và đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 30/6/2015 tại Uỷ ban nhân dân xã CM, huyện CM.

Quá trình chung sống thời gian đầu sống hạnh phúc, nhưng được một thời gian thì phát sinh mẫu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất về quan điểm và lối sống, vợ chồng không có tiếng nói chung nên thường xuyên xung đột, bất hoàn, mâu thuẫn kéo dài, đỉnh điểm đến năm 2019 vợ chồng tiếp tục mâu thuẫn trầm trọng, dẫn đến việc vợ chồng quyết định sống ly thân từ đó cho đến nay. Nay xét

thấy tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng không thể đoàn tụ chung sống với nhau nữa, nên anh T yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn chị Nguyễn Thị H.

- Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân vợ chồng có 01 con chung là cháu Phạm Minh T, sinh ngày 09/4/2016, từ khi ly thân đến nay cháu T sống cùng anh T, nguyện vọng của anh T xin được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu cho đến khi cháu đủ 18 tuổi và không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí LHST: Anh T phải chịu theo quy định của pháp luật.

*** Bị đơn chị Nguyễn Thị H:** Quá trình giải quyết vụ án và Tại phiên Toà, mặc dù Tòa án niêm yết thông báo thụ lý, phiên họp, phiên hoà giải, quyết định xét xử, quyết định hoãn phiên Toà cho chị H theo đúng quy định của pháp luật nhưng chị H cố tình lẩn tránh, không tham gia phiên họp, phiên hoà giải và không tham gia phiên toà, vì vậy Toà án không ghi nhận được lời khai cũng như ý kiến, quan điểm của chị H.

*** Cháu Phạm Minh T trình bày:** Cháu là con của ông Phạm Minh T, bà Nguyễn Thị H, hiện cháu đang học lớp 2, trường Tiểu học Thống Nhất, xã Thống Nh, huyện H H, tỉnh Th B. Trường hợp bố mẹ cháu ly hôn thì nguyện vọng của là muốn ở với bố, vì bố có thể nuôi và chăm sóc con tốt hơn mẹ.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án; kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về quan điểm giải quyết vụ án:

Đối với Thẩm phán: Về cơ bản đã tuân thủ đúng và đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự 2015.

Đối với Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: Đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Đối với đương sự: Nguyên đơn đã thực hiện đúng và đầy đủ các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tuy nhiên tại phiên tòa nguyên đơn vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng; Bị đơn đã không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, không đến Tòa án tham gia tố tụng theo quy định của pháp luật mà không có lý do chính đáng.

**Về nội dung:** Căn cứ Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, cần được chấp nhận.

Về quan hệ hôn nhân: Cần chấp nhận việc anh Phạm Minh T được ly hôn với chị Nguyễn Thị H; Về con chung: Cần giao cháu Phạm Minh T, sinh ngày 09/4/2016 cho anh Phạm Minh T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi cháu đủ 18 tuổi; Về cấp dưỡng nuôi con, về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không đề cập xem xét giải quyết. Đề nghị HĐXX xem xét, quyết định.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN;

***Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:***

[1]. *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết*: Nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn với bị đơn là "*tranh chấp về hôn nhân và gia đình*"; Theo địa chỉ nguyên đơn cung cấp, cũng như kết quả xác minh thì chị Nguyễn Thị H có hộ khẩu thường trú và sinh sống tại thôn 6, xã CM, huyện CM, tỉnh ĐL vì vậy vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện CM, được quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Đối với nguyên đơn có đơn xin được xét xử vắng mặt.

Đối với bị đơn: Mặc dù được Tòa án niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng bị đơn vẫn vắng mặt lần hai không có lý do, do đó Hội đồng xét xử áp dụng điểm a,b khoản 2 Điều 227 và Điều 238 Bộ luật tố tụng Dân sự để xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn và bị đơn.

[3] Về nội dung vụ án:

*[3.1] Về quan hệ hôn nhân:* Anh Phạm Minh T với chị Nguyễn Thị H kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn hợp pháp theo quy định của pháp luật về hôn nhân gia đình. Quá trình duy trì cuộc sống hôn nhân, giữa anh T và chị Hoài nảy sinh nhiều mâu thuẫn mà các bên không có biện pháp hòa giải hay ý thức khắc phục. Đặc biệt là giữa anh T và chị H cũng đã sống ly thân với nhau từ năm 2019 cho đến nay. Nay anh T khẳng định tình cảm vợ chồng thực sự không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Tại biên bản xác minh ngày 19/4/2024 tại thôn 6 và tại Công an xã CM thì thể hiện về tình trạng hôn nhân giữa anh T và chị H hiện nay có những mâu thuẫn gia đình và vợ chồng đã sống ly thân, về tình hình cư trú thì chị H vẫn còn sinh sống tại địa phương nhưng cố tình lẫn tránh, không hợp tác. Vì vậy xét thấy yêu cầu ly hôn của anh T là chính đáng nên cần chấp nhận.

*[3.2] Về con chung*: Từ khi ly thân đến nay cháu Phạm Minh T do anh T trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc, anh T có nguyện vọng được quyền trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc cháu, đồng thời cháu T cũng có nguyện vọng được ở với bố nên cần tiếp tục giao cháu T cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng là hợp lý.

*[3.3] Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con:* Anh T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

*[3.4] Về tài sản chung và nợ chung*: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không đề cập xem xét giải quyết.

*[3.5] Về án phí*: Nguyên đơn anh Phạm Minh T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

***Vì các lẽ trên,***

## QUYẾT ĐỊNH:

*Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm a, điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 238; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;*

*Áp dụng: Khoản 1 Điều 51; Điều 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;*

*Áp dụng: Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.*

***Tuyên xử*:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Phạm Minh T.

- *Về quan hệ hôn nhân:* Anh Phạm Minh T được ly hôn với chị Nguyễn Thị H.

- *Về con chung*: Giao cháu Phạm Minh T, sinh ngày 09/4/2016 cho anh Phạm Minh T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

- *Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con:* Đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập xem xét giải quyết.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom và chăm sóc con chung, mà không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con chưa thành niên Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con khi có đương sự yêu cầu.

- *Về tài sản chung và nợ chung:* Đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập xem xét giải quyết.

- *Về án phí:* Anh Phạm Minh T phải chịu 300.000đ án phí Hôn nhân gia đình được khấu trừ số tiền 300.000 đồng đã nộp tiền tạm ứng án phí theo số AA/2021/0014963 ngày 20/3/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện CM, tỉnh Đăk Lăk.

- *Về quyền kháng cáo:* Nguyên đơn và bị đơn được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

***Nơi nhận***:
- TAND,VKSND tỉnh Đăk Lăk;
- VKSND huyện CM;
- Chi cục THADS huyện CM;
- Các đương sự;
- UBND xã CM;
- Lưu hồ sơ, văn thư lưu trữ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Y Lợi Niê**

***Nơi nhận***:
- TAND,VKSND tỉnh Đăk Lăk;
- VKSND huyện CM;
- Chi cục THADS huyện CM;
- Các đương sự;
- UBND xã Quảng Tiến;
- Lưu hồ sơ, văn thư lưu trữ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Y Lợi Niê**

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**HỘI THẨM NHÂN DÂN** **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

***Nơi nhận***:
- TAND,VKSND tỉnh Đăk Lăk;
- VKSND huyện CM;
- Chi cục THADS huyện CM;
- Các đương sự;
- UBND xã Ea Kuêh;
- Lưu hồ sơ, văn thư lưu trữ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Y Lợi Niê**

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**HỘI THẨM NHÂN DÂN** **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

***Nơi nhận***:
- TAND,VKSND tỉnh Đăk Lăk;
**TÒA**
- VKSND huyện CM;
- Chi cục THADS huyện CM;
- Các đương sự;
- UBND xã Ea Kuêh;
- Lưu hồ sơ, văn thư lưu trữ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN**

**Y Lợi Niê**